TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LÂM HÀ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2025/DS-ST
Ngày: 19-3-2025
V/v: *"Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lài Thị Thu Hà;

2. Ông Hoàng Sỹ Lĩnh.

- ***Thư ký phiên tòa:*** ông Hoàng Rung K'Tuấn là thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Phương Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 177/2024/TLST-DS ngày 01/10/2024 về việc: *"Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2025/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Chu Thị L, sinh năm 1967.

Địa chỉ: tổ dân phố Đ, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thu L1, sinh năm 1991.

Địa chỉ: F H, khu phố Đ, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Theo văn bản ủy quyền lập ngày 23/12/2024. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị D, sinh năm 1976.

Địa chỉ: tổ dân phố T, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.Vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Đặng Thị Bạch T, sinh năm 1971.

Địa chỉ: tổ dân phố Đ, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.Vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1975.

Địa chỉ: tổ dân phố C, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Thu L1 thì: Ngày 5/02/2023, bà Chu Thị L có cho bà Phạm Thị D vay số tiền là 2.130.000.000đ (Hai tỷ một trăm ba mươi triệu đồng), mục đích vay để bà D đáo hạn ngân hàng, thời hạn trả nợ hai bên thỏa thuận là 5 ngày sau khi đáo hạn xong bà D sẽ trả tiền cho bà L. Hai bên có lập một giấy vay tiền ngày 5/02/2023 có chữ ký xác nhận của bà D. Đến ngày 01/03/2023, bà D vay thêm số tiền là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), bà D có viết vào mặt sau của giấy vay tiền ngày 5/02/2023 về việc nợ bà L tổng số tiền là 2.230.000.000đ (Hai tỷ hai trăm ba mươi triệu đồng), mục đích vay để bà D rút hồ sơ chuyển ngân hàng khác vay tiền. Hẹn sau khi vay tiền ngân hàng sẽ trả cho bà L, thời gian khoảng 5 ngày. Khi vay thỏa thuận lãi suất miệng là 1%/tháng. Tuy nhiên, bà D chưa trả tiền lãi cho bà L, đã quá hạn trả nợ theo thỏa thuận bà D cũng không trả tiền gốc cho bà L mặc dù bà L đã yêu cầu rất nhiều lần, bà D luôn khất lần, lẩn tránh, không có thiện chí trả tiền cho bà L. Đến nay, các bên vẫn không thể tự thương lượng, thỏa thuận với nhau về việc giải quyết tranh chấp, do đó nay bà L đã làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà giải quyết:

- Buộc bà Phạm Thị D phải trả cho bà L số tiền vay là 2.230.000.000đ (Hai tỷ hai trăm ba mươi triệu đồng).

- Buộc bà Phạm Thị D phải trả cho bà L tiền lãi với mức lãi suất là 1%/tháng tính từ ngày 01/03/2023 cho đến khi vụ án được Tòa án giải quyết xong.

Bị đơn bà Phạm Thị D trình bày tại bản tự khai ghi ngày 26/12/2024 thì: Bà có quen biết bà Chu Thị L nên bà có vay bà L số tiền là 1.000.000.000đ vào năm 2022. Bà có trả cho bà L số tiền lãi hàng tháng là 3.000đ/1.000.000đ/ngày. Bà đã trả tiền lãi cho bà L bằng hình thức chuyển khoản vào số tài khoản của bà L 6410814142 tại ngân hàng B. Số tiền cụ thể bà không nhớ rõ. Bà sẽ sao kê gửi cho Tòa án sau. Bà không nợ số tiền 2.230.000.000đ như bà L khai mà đây là số tiền lãi của bà L tính theo lãi suất như trên của khoản vay 1.000.000.000đ bà vay trước đó vào năm 2022 đến năm 2023, bà L tính gộp lại cả gốc và lãi nên thành số tiền 2.130.000.000đ. Đây không phải là tiền đáo hạn ngân hàng mà bà L cộng dồn tiền lãi ghi thành giấy vay tiền ngày 1/3/2023. Bà L tính lãi của số tiền 2.130.000.000đ thành 100.000.000đ và ghi thành giấy vay tiền bảo bà ký chỗ người vay tiền nhưng thực chất bà không vay số tiền trên nên bà không chấp nhận trả cho bà L 2.130.000.000đ. Chữ ký trong giấy vay tiền là chữ ký của bà. Nay bà L khởi kiện yêu cầu bà trả số tiền gốc là 2.230.000.000đ và tiền lãi 401.400.000đ thì bà không đồng ý. Bà chỉ đồng ý trả 1.000.000.000đ tiền gốc đã vay năm 2022 mà hiện nay bà L đang giữ giấy vay tiền trên. Hàng tháng bà vẫn trả lãi cho bà L, ngày gần nhất

bà trả là ngày 19/12/2024. Đề nghị bà L ra Tòa án để đối chất với bà làm rõ số tiền trên. Bà không đồng ý ủy quyền cho người khác khởi kiện vì bà không vay tiền của người đó.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Nguyễn Thị H trình bày tại đơn trình bày thì: Trong Giấy vay tiền ngày 25/7/2022 giao kết giữa bên cho vay là bà Chu Thị L, sinh năm 1967, trú tại: tổ dân phố Đ, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lâm Đồng và bên vay là bà Phạm Thị D, sinh năm: 1976, địa chỉ: tổ dân phố T, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lâm Đồng với số tiền vay là 250.000.000 đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng) thì bà có ký tên tại phần người vay, tuy nhiên bà ký với mục đích là người làm chứng cho khoản vay này. Bà không phải là người vay tiền và không được sử dụng số tiền nêu trên, số tiền vay này do bà D vay và sử dụng, không liên quan đến bà, đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết buộc bà D phải trả cho bà L số tiền vay này.

Bà Đặng Thị Bạch T trình bày tại đơn trình bày thì: Bà và bà L có mối quan hệ làm ăn với nhau. Ngày 5/9/2022, bà L có đưa tiền mặt cho bà và nhờ bà chuyển khoản số tiền: 950.000.000đ (Chín trăm năm mươi triệu đồng) từ số tài khoản của bà qua số tài khoản của bà D. Bà xác định không liên quan đến số tiền bà L cho bà D vay. Trong vụ án bà L khởi kiện bà D tại Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà thì bà không có yêu cầu gì.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp hòa giải nhưng do một bên đương sự vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt nên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án. Đồng thời, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin thay đổi một phần cầu khởi kiện đối với yêu cầu về tiền lãi. Cụ thể: nguyên đơn bà Chu Thị L chỉ yêu cầu bà Phạm Thị D phải trả cho bà Chu Thị L tiền lãi tính theo mức lãi suất là 0,83%/tháng tính từ ngày khởi kiện 15/7/2024 đến ngày xét xử, tính tròn 07 tháng tiền lãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng cũng như phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Chu Thị L về việc tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản với bà Phạm Thị D. Buộc bà Phạm Thị D có trách nhiệm trả cho bà Chu Thị L số tiền gốc là 2.230.000.000đ và tiền lãi là 129.563.000đ. Tổng cộng số tiền phải trả là: 2.359.563.000đ.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện về lãi suất của bà Chu Thị L về việc yêu cầu bà Chu Thị D1 phải trả tiền lãi với mức lãi suất 1%/tháng tính từ ngày 01/03/2023 cho đến ngày Tòa án xét xử.

Về án phí: bà Phạm Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ tài sản phải trả cho bà Chu Thị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*:

Tại phiên tòa, bị đơn bà Phạm Thị D; người có quyền lợi, nghĩa vụ liênquan bà Nguyễn Thị H, bà Đặng Thị Bạch T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên áp dụng khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung là phù hợp.

[2] *Về xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:*

Nguyên đơn bà Chu Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phạm Thị D phải trả cho bà Chu Thị L số tiền vay là 2.230.000.000đ, tiền lãi với mức lãi suất là 0,83%/tháng tính từ ngày 15/7/2024 cho đến ngày xét xử tính tròn là 07 tháng. Do vậy, căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật là: *"Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"* giữa nguyên đơn bà Chu Thị L với bị đơn bà Phạm Thị D; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

[3] *Về nội dung vụ án*:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhận thấy:

Theo tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp cho Tòa án thể hiện thì: Tại giấy vay tiền lập ngày 5/2/2023, bà Phạm Thị D ký vay của bà Chu Thị L số tiền là 2.130.000.000đ; tại giấy mượn tiền lập ngày 1/3/2023, bà Phạm Thị D ký vay của bà Chu Thị L số tiền là 100.000.000đ.

Việc bà D cho rằng: bà chỉ vay của bà L số tiền gốc là 1.000.000.000đ năm 2022, lãi suất thỏa thuận là 3.000đ/1.000.000đ/ngày, tính lãi từ năm 2022 đến năm 2023 bà L tính gộp lại cả gốc và lãi nên thành số tiền 2.130.000.000đ và bảo bà ký vào giấy vay tiền; số tiền bà ký vay ngày 1/3/2023 là bà L tính lãi theo thỏa thuận của số tiền 2.130.000.000đ thành 100.000.000đ. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, bà D không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời khai của bà D là có căn cứ và hợp pháp.

Trong khi đó, quá trình giải quyết vụ án, bà L cung cấp được chứng cứ chứng minh các lần bà D vay tiền. Cụ thể: giấy vay tiền lập ngày 25/7/2022, thể hiện bà L cho bà dân vay số tiền 250.000.000đ; giấy vay tiền lập ngày 5/9/2022, thể hiện bà L cho bà D vay số tiền 1.250.000.000đ (trong đó bà L giao tiền mặt là 300.000.000đ và nhờ bà Đặng Thị Bạch T chuyển khoản cho bà Dân số tiền là 950.000.000đ); giấy vay tiền lập ngày 5/11/2022, thể hiện bà L cho bà D vay số tiền 500.000.000đ. Ngoài ra, bà L còn nhờ bà Hoàng Thị D2 chuyển khoản cho bà Dân số tiền là 100.000.000đ vào ngày 7/11/2022; nhờ bà Đỗ Thị T1 chuyển khoản cho bà Dân số tiền là 20.000.000đ; bà L chuyển khoản cho ông Vũ Hoàng T2 theo yêu cầu của bà D là 100.000.000đ. Các lần bà L cho bà D vay tiền, bà D có ký giấy vay tiền; các lần bà L cho vay thông qua hình thức chuyển tiền qua tài khoản, bà L đều cung cấp được nội dung giao dịch chuyển tiền. Chỉ có lần vay tiền 10.000.000đ vào ngày

01/3/2023, bà L làm thất lạc giấy vay tiền nên không cung cấp được cho Tòa án. Tuy nhiên, toàn bộ khoản nợ trên được hai bên chốt nợ thành 2.130.000.000đ vào ngày 5/02/2023 và tại giấy mượn tiền lập ngày 1/3/2023, bà D ký vay của bà L số tiền là 100.000.000đ. Đồng thời, trong lời khai, bà D thừa nhận chữ ký trong giấy vay tiền đúng là chữ ký của bà D.

Do vậy, yêu cầu khởi kiện của bà L buộc bà D phải trả cho bà L số tiền gốc là 2.230.000.000đ là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với yêu cầu trả tiền lãi của bà L, nhận thấy:

Tại các giấy vay tiền ngày 5/2/2023 và ngày 1/3/2023, các bên không lãi suất thỏa thuận cụ thể. Tuy nhiên, trong lời khai, bà D cho rằng khi vay tiền của bà L, bà có trả tiền lãi cho bà L là 3.000đ/1.000.000đ/ngày. Điều này chứng tỏ khi vay tiền hai bên có thỏa thuận về lãi suất. Tuy nhiên, mức lãi suất các bên thỏa thuận không rõ, trong lời khai bà D không đồng ý trả tiền lãi cho bà L nên được coi là trường hợp có tranh chấp về lãi. Do vậy, vậy việc bà L yêu cầu tiền lãi cần căn cứ khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự để xem xét. Mức lãi suất bà L yêu cầu bà D phải trả tiền lãi tính theo mức lãi suất là 0,83%/tháng tính từ ngày 15/7/2024 đến ngày xét xử, tính tròn 07 tháng là phù hợp nên được chấp nhận, lãi suất được tính như sau:

2.230.000.000đ 0,83%/tháng x 07 tháng = 129.563.000đ.

Từ những phân tích, nhận định ở trên, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Chu Thị L, buộc bị đơn bà Phạm Thị D phải trả cho bà Chu Thị L số tiền gốc là 2.230.000.000đ và số tiền lãi là 129.563.000đ, cộng chung cả tiền gốc và tiền lãi là 2.359.563.000đ là có căn cứ.

[4] *Về án phí:* Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn được tính như sau: 72.000.000đ + 2% x 359.563.000đ = 79.191.260đ.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 357, 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 26 của Luật thi hành án dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Chu Thị L về việc: "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*" với bị đơn bà Phạm Thị D.

Buộc bà Phạm Thị D phải trả cho bà Chu Thị L số tiền gốc là 2.230.000.000đ *(Hai tỷ hai trăm ba mươi triệu đồng)* và số tiền lãi là 129.563.000đ *(Một trăm hai mươi chín triệu năm trăm sáu mươi ba ngàn đồng)*. Cộng chung cả tiền gốc và tiền

lãi là 2.359.563.000đ *(Hai tỷ ba trăm năm mươi chín triệu năm trăm sáu mươi ba ngàn đồng)*.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: buộc bà Phạm Thị D phải chịu 79.191.260đ *(Bảy mươi chín triệu một trăm chín mươi mốt ngàn hai trăm sáu mươi đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Chu Thị L 42.314.000đ *(Bốn mươi hai triệu ba trăm mười bốn ngàn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005003 ngày 30/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hạnh

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, BP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hạnh